TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số:31/2018/DS – ST
Ngày: 07/8/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Văn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Đặng Văn Đê

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018; về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2018/QĐST –DS ngày 19/7/2018 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1963 (có mặt).

HKTT: Số 20 đường A, phường P, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số 85, hẻm M, đường T, phường L , thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1963 (vắng mặt).
Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 68, đường N, tổ 10, khu phố 1, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-05-2018, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Tháng 10/2016 ông L bà C vay 1.500.000.000đ của bà H, có ghi giấy mượn tiền viết tay, lãi suất thỏa thuận 1%/tháng, hai tháng đầu, ông L bà C trả lãi là 30.000.000đ/tháng. Thời hạn vay: khi nào bà H cần thì vợ chồng ông L trả. Ngày 12/12/2016, ông L bà C vay thêm 300.000.000đ nữa, bà H, bà C, ông L hủy

tờ giấy mượn tiền tháng 10/2016 lập lại giấy mượn tiền mới ngày 12/12/2016. Lãi suất thỏa thuận cũng 1%/tháng. Tuy nhiên các bên có thỏa thuận miệng riêng là mỗi tháng 20.000.000đ tiền lãi. Không thế chấp tài sản . Bà H đã nhận tiền lãi của ông L, bà C từ tháng 10 năm 2016 đến cuối năm 2017, hai tháng đầu là 30.000.000đ/tháng,từ tháng thứ 3 trở đi mỗi tháng đều là 20.000.000đ. Tháng 01 năm 2017 ông L bà C có trả C bà H được 140.000.000đ tiền gốc. Tuy nhiên bà C, ông L vẫn trả lãi mỗi tháng 20.000.000đ C đến đầu năm 2018 thì không trả nữa.

Ngày 05/2/2018, bà H đã đến gặp ông L bà C để nói chuyện thì hai bên đã thương lượng phương án trả nợ như sau: vợ chồng ông L, bà C sẽ trả nợ gốc C bà H thành 3 đợt. Đợt 1 cuối năm 2018 trả 36.000.000đ, đợt hai cuối năm 2019 trả 650.000.000đ; đợt 3 trả số còn lại. Lãi suất mỗi tháng 16.000.000đ, đồng thời lập lại giấy mượn tiền theo nội dung trên và hủy tờ giấy mượn tiền ngày 12/12/2016.

Tuy nhiên, bà C, ông L không thực hiện đúng thỏa thuận, ông L bà C nói không có tiền trả C bà H nên xin trả mỗi tháng 5.000.000đ tiền gốc còn tiền lãi tính sau. Bà H không đồng ý nhưng vẫn nhận của ông L bà C mỗi tháng 5.000.000đ tiền lãi vì bà H quá khó khăn phải trả tiền lãi bên ngoài C người khác. Ông L bà C trả lãi C bà H được 03 tháng. Từ 08/2/2018 âm lịch đến 08/4/2018 âm lịch. Tổng cộng là 15.000.000đ thì ngưng đến nay.

Vì thế bà H khởi kiện tại Tòa án yêu cầu ông L bà C phải trả C bà H 1.660.000.000đ một lần và tiền lãi phát sinh là 200.000.000đ. Ngoài ra bà H không yêu cầu gì thêm.

Bà H cam kết nguồn gốc số tiền mà bà H C bà C, ông L vay do bà H vay của người khác bên ngoài chứ không phải tiền của bà H. Số tiền này không liên quan gì đến chồng bà H.

Tại phiên tòa bà H tự nguyện rút lại yêu cầu 200.000.000đ tiền lãi, bà H chỉ yêu cầu bà C, ông L có trách nhiệm trả C bà H số tiền nợ gốc là 1.660.000.000đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018 quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà và bà Võ Thị H quen biết làm ăn với nhau từ năm 2008 đến nay, bà H có tham gia các dây hụi do bà làm chủ. Sau này thân thiện thì bà có vay tiền của bà H để xoay vốn làm ăn, bà C đều trả lãi sòng phẳng C bà H. Bà C xác nhận có vay của bà H số tiền 1.800.000.000đ, thời gian vay và giấy tờ vay mượn đúng như lời bà H trình bày. Tuy nhiên về phần tiền lãi mỗi tháng bà đóng C bà H 54.000.000đ (3%/tháng). Bà trả lãi được gần một năm, đến đầu năm 2017 thì bà xin trả lãi mỗi tháng 20.000.000đ, bà vẫn trả lãi đều đặn đến đầu năm 2018 thì bà không còn khả năng đóng lãi nữa. Toàn bộ việc trả lãi đều không có biên nhận hay giấy tờ gì. Ngày 05/02/2018 bà H và vợ chồng bà đã lập lại giấy vay tiền mới thỏa thuận trả nợ gốc C bà H thành 3 đợt. Đợt 1 cuối năm 2018 trả 36.000.000đ, đợt hai cuối năm 2019 trả 650.000.000đ; đợt 3 trả số còn lại. Lãi suất mỗi tháng 16.000.000đ. Tuy nhiên do làm ăn thua lỗ, nợ nần chồng chất, vợ chồng bà sợ nên mới viết và ghi thời gian trả nợ như vậy C bà H yên tâm chứ thật ra ông bà không có khả năng trả nợ theo thỏa thuận như trong giấy vay tiền lập ngày 05/2/2018. Bà có xin bà H C bà trả mỗi tháng 5.000.000đ tiền gốc còn tiền lãi thì bà xin bà H không đóng nữa, bà đã trả được 03 tháng từ tháng 02 đến tháng 4 âm lịch năm

2018 là 15.000.000đ. Việc giao nhận 15.000.000đ này cũng không có biên bản giao nhận.

Bà C xác nhận hiện nay vợ chồng bà còn nợ tiền gốc của bà H là 1.660.000.000 là đúng, do hoàn cảnh quá khó khăn nên bà C yêu cầu bà H trả dần mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) C đến khi nào trả hết nợ. Hiện nay chồng bà là ông L đã bỏ đi, nên số nợ này bà C xin chịu trách nhiệm một mình trả C bà H.

Bà C cũng xác nhận số nợ này vợ chồng bà vay của bà H không liên quan đến chồng bà H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng) tiền lãi còn số tiền gốc 1.660.000.000 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng) vẫn tiếp tục yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng**:** Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Vụ án từ khi thụ lý C đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng thời hạn xét xử theo quy định.

-Về nội dung: xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thành L phải có trách nhiệm trả C bà Võ Thị H số tiền nợ 1.660.000.000 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về 200.000.000đ tiền lãi của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về tố tụng: Bà Võ Thị H khởi kiện ông Nguyễn Thành L, bà Nguyễn Thị C về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố Bà Rịa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông L, bà C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt bà C ông L theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung:

[1] Do có mối quan hệ làm ăn từ trước, nên tháng 10 năm 2016, trên cơ sở tự nguyện, bà Võ Thị H có C vợ chồng bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Thành L vay số tiền 1.500.000.000đ, lãi suất thỏa thuận ghi trong giấy là 1%/ tháng. Nhưng thực tế là 30.000.000đ/tháng. Hai tháng đầu tiên vợ chồng ông L, bà C trả lãi 30.000.000đ/tháng,Tháng 12 năm 2016, vợ chồng bà C, ông L vay thêm

300.000.000đ, tổng cộng là 1.800.000.000đ. Sau đó hai bên thỏa thuận lại tiền lãi là 20.000.000đ/tháng, thời hạn vay khi nào bà H cần thì vợ chồng bà C ông L sẽ trả. Bà H nhận lãi đều đặn đến tháng 01 năm 2017 vợ chồng ông L, bà C có trả C bà H được 140.000.000đ, tiền gốc còn lại là 1.660.000.000đ, tuy nhiên tiền lãi vẫn thỏa thuận 20.000.000đ/tháng, vợ chồng ông L bà C trả lãi đến đầu năm 2018 thì chỉ trả lãi mỗi tháng 5.000.000đ, đến ngày 05/2/2018 giữa hai bên có thỏa thuận hủy giấy mượn tiền cũ lập lại giấy vay tiền mới với nội dung như sau: vợ chồng ông L, bà C sẽ trả nợ gốc C bà H thành 3 đợt. Đợt 1 cuối năm 2018 trả 36.000.000đ, đợt hai cuối năm 2019 trả 650.000.000đ; đợt 3 trả số còn lại. Lãi suất mỗi tháng 16.000.000đ,

Bà Nguyễn Thị C xác nhận về số tiền gốc bà H khởi kiện là đúng, tuy nhiên tiền lãi bà đóng mỗi tháng 3% tức 54.000.000đ/tháng chứ không phải 30.000.000 và 20.000.000đ như bà H trình bày. Bà trả lãi đều đặn đến đầu năm 2018 thì không còn khả năng đóng lãi nữa.

[2] Giấy mượn tiền lập tháng 10 năm 2016 và giấy mượn tiền lập ngày 12/12/2016 bà H và bà C đều xác nhận đã hủy bỏ không còn, chỉ còn giấy vay tiền mới lập lại ngày 05/02/2018. Bà H, bà C đều xác nhận số nợ gốc còn lại hiện nay là 1.660.000.000đ. Từ đó có đủ cơ sở để khẳng định quan hệ vay tài sản giữa bà H và vợ chồng bà C, ông L là có thật.

[3] Về tiền lãi bà H và bà C khai không giống nhau. Tuy nhiên cả hai bên đều không có tài liệu, chứng cứ thể hiện việc giao nhận tiền lãi mỗi tháng để chứng minh C lời khai của mình. Tuy nhiên, quá trình hòa giải, bà H và bà C không tranh chấp về số tiền lãi trước đây đã giao nhận. Bị đơn bà C khẳng định số tiền gốc mà nguyên đơn bà H khởi kiện là đúng và đồng ý trả. Nhưng vì hoàn cảnh của bà C hiện nay quá khó khăn nên bà C xin trả dần mỗi tháng 3.000.000đ C bà H C đến khi hết nợ, bà H không đồng ý.

Từ những nhận định nêu trên, C thấy yêu cầu của bà H là có cơ sở, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc yêu cầu vợ chồng ông L, bà C có trách nhiệm hoàn trả lại C bà H số tiền 1.660.000.000đ tiền gốc, còn tiền lãi 200.000.000đ bà H đồng ý giảm C vợ chồng ông L bà C và tự nguyện rút yêu cầu về phần tiền lãi.

[4]Về án phí: ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán C bà H theo quy định của pháp luật.

Bà Võ Thị H không phải nộp tiền án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 điều 26 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39,Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 401, 402, 471, 474, Bộ luật dân sự Bộ luật dân sự 2005.
- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1.Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về 200.000.000 (Hai trăm triệu đồng tiền lãi) của bà Võ Thị H.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị H đối với ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị C. Buộc ông Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị C phải hoàn trả C bà Võ Thị H số tiền 1.660.000.000 (Một tỷ sáu trăm sáu mươi sáu triệu đồng)

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chưa thi hành án và thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Nguyễn Thành L và bà Nguyễn Thị C phải nộp 61.800.000 (Sáu mươi mốt triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả C bà Võ Thị H số tiền 33.900.000đ (Ba mươi ba triệu chín trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002221 ngày 17/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Văn Thị Hiền

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố Bà Rịa;
-Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
-Lưu hồ sơ.